



Đằm Mình Trong Vững Tội ? (tiếp theo)

Gm John Shelby Spong

Chuyện Ban Đầu

Thêm vào phần dẫn nhập, loạt bài này còn bao gồm các bài viết theo cặp nhằm diễn-tả cuộc tranh-luận xem nên phò hay nên chống sinh-hoạt dục-tình trước ngày cưới? Và, cũng để hỏi rằng các vị đồng phái-tính đang sống với nhau như “sự đã rồi”, và tìm ra điều gì khác hơn là lên án họ như Giáo-hội từng đối-xử với họ? Và, nên chấp-nhận giải-pháp nào khác, chứ không nên cứ thế mà cưới? Hoặc, với các vị độc-thân hoặc cứng tuổi, có nên sống cô-đơn mãi thế không? Bài viết đây, đã hoàn-tất trước 1/12/1986 qua hàng tít trên báo *The Episcopallian* số tháng 2, 3, 4 và 5/1987. Khi đó, tôi làm Tổng Biên Tập lo xem xét các bài viết đại loại như thế.

Đầu tháng 12/1986, có người mang đến cho tôi Tờ Trình từ *Tổ Đặc-Nhiệm* viết về “các đổi thay trong Đời sống Sinh-lý - Gia-đình”. Thấy tờ này trên bàn, tôi vội đọc các giòng chữ chảy dài trên đó với tâm-trạng chán-ngán đến bất ngờ. Chán ngán, không vì nội-dung hoặc văn-phong/thể-loại của tờ Trình, dù được chau-chuốt cách mấy đi nữa, nhưng văn-đề nêu ra đã tạo nhiều cảm-xúc nơi tôi. Chán ngán, vì tờ Trình ban đầu chỉ là tài-liệu mục-vụ kêu gọi mọi người tìm-hiểu/học-hỏi nhiều hơn nữa. Không hiểu sao các đề-xuất của Tờ này lại được đưa ra tranh-cãi để rồi đi đến quyết-định như trên.

Tôi nhận chân và xác-tín rằng: mọi người đều đã thay đổi lập-trường và tình-huống nay gia tăng khi ai nấy bị ép buộc phải tranh-cãi để bảo-vệ định-kiến riêng của mình. Đúng ra, khi ấy tôi ở vào vị-thế thua-thiệt khi cuộc tranh-luận dấy lên một ý-thức-hệ, hơn là chọn về phía thắng cuộc mà chẳng mấy ai kinh chống hoặc có thái-độ tương-tự về một số vấn-đề đã rõ.

E ngại của tôi khi ấy, là sợ rằng Tờ Trình rơi vào tình-trạng bị chống-đối; và nỗi lo sợ này lại cứ thế gia-tăng khi Tờ Trình được gửi đến hai mươi tám thành-viên Hội-Đồng Địa-phận để các nghị-viên xem xét ở buổi hội tổ chức vào tháng Mười Hai. Sờ dĩ Tiến sĩ *Thayer* cũng đến họp vì ông muốn có dịp giới-thiệu Tờ Trình với Hội-đồng và để trả lời vấn-nạn do các vị đề ra.

Nhưng hôm ấy, chẳng ai buồn đưa ra vấn-nạn nào hết, mà chỉ tỏ lòng cảm-kích đối với công việc mà *Tổ Đặc-Nhiệm* đã làm theo yêu-cầu. Bằng số phiếu 28 trên 0, Hội-đồng Địa-phận bèn đưa ra chỉ-thị tờ Trình phải được gửi cho Công-nghị thường-niên năm thứ 113, họp vào ngày 30/1/1987.

Ngay từ mùng 1 tháng Giêng năm đó, Tờ Trình như được phổ-biến rộng khắp cho công-chúng am-tường khi 600 vị trong đó có dân thường và giáo sĩ nhận Tờ Trình theo đường bưu-điện. Chẳng có thư giải-thích, cũng chẳng thấy ai gọi điện bàn bạc, theo cách tích-cực hoặc tiêu-cực, nhất nhất đều xuất xứ từ các đại-biểu khác nhau. Các đại-biểu được mời đến dự buổi diễn-giải trước ngày họp, là để định rõ vấn-đề đặt ra, hầu giúp mọi người biết mà bầu phiếu tại Công-nghị.

Theo tôi hiểu, không chi tiết nào từ Tờ Trình này được nêu lên trong các buổi họp tương tự, ngoại trừ buổi hội có *Ts Thayer* thành-viên tham-dự. Ngay buổi ấy, cũng chẳng thấy ai ở ề điều gì.

Tiếp đó, ngày 15 tháng Giêng cùng năm, mọi người gom gộp thông-cáo gửi về các báo trong vùng chuyên loan-tin hội-nghị. Thông-tin ngân-sách, hoặc đường lối giải-quyết cùng tài-liệu lai-lịch của thuyết-trình-viên được mời trong đó có Giám mục chủ quản địa phận chúng tôi vừa đặc cử. Và, các dữ-liệu về các Tờ Trình cũng đề-cập việc hội-nghị bị chất-vấn hành-động gộp chung làm một ở trong thư. Một lần nữa, ít có người hoặc chẳng ai muốn phản-hồi về các sinh-hoạt nói ở đây.

Thứ Tư 28 tháng Giêng năm ấy, ký giả *Michael J. Kelly* đặc-phái-viên từ *The Bergen Record*, một nhật-báo phát-hành đều đặn ở New Jersey, chuyên đề-cập chuyện nội-bộ vùng *Bergen* trở-bật có gọi điện cho viên phụ-trách báo chí của chúng tôi, có cho biết: Ông rất thích Tờ Trình của chúng tôi vì dám đề-cập chuyên tình-dục nhiều hứ-y. Ông yêu cầu được phép đến để bàn bạc và tra-vấn lai-lịch liên-quan đến chuyện này. Yêu cầu của ông được chấp-thuận, và phó tế *Leslie Smith*, một trong các đảng bặc ở địa-phận, cũng đã cùng tôi chạy đến bàn bạc với *Michael J Kelly* cốt trả lời một vài câu hỏi do ông đặt.

Thứ Năm 29 tháng Giêng, ngay trang đầu *Tờ Trình*, đã thấy xuất-hiện hình ảnh vị Giám mục chủ-quản giáo-phận Newark, như thể có nghĩa là: *tờ Bergen Record* đã phá lệ kể chuyện qua tiêu-đề “*Những bất đồng chống tín-điều Tinh-Dục*”. Câu truyện trên báo có viết: Giáo phận Newark đề-nghị ban phép lành cho các cặp đồng tính sống ở đây. Lập tức, *Associated Press* đã mau mắn nhật-nhận mọi chuyện gửi về dịch-vụ truyền-thông trên toàn quốc và cả thế-giới nữa.

Thứ Sáu 30 tháng Giêng, là ngày khởi đầu Hội-nghị, chúng tôi bị các nhóm truyền-hình toàn quốc, và các cơ sở biệt-lập ở New York cũng như Hệ truyền-hình giây cáp của *Ted Turner* cũng từ Atlanta đến họp và đông đảo các hãng thông-tán khác vây quanh. Nhiều phóng viên đến từ nơi xa-xôi, như: Detroit, Oakland, New York, Houston và Raleigh, cả *tờ Tim* và *Newseek* cũng muốn phỏng-vấn chúng tôi nữa.

Thật ra, giới truyền-thông đã làm khó *Tờ Trình* bằng cách đưa vào tập tin hoặc bỏ qua không nói tới các vấn-đề như thế, là có ý tạo tranh-luận mãnh-liệt hơn. Hai ngày sau, thiên-hạ tới tấp gửi mọi truyện về các dịch-vụ truyền-thông khác nhau, hầu theo dõi vụ việc. Đoàn làm phim truyền-hình đã có mặt ở khắp nơi, trong thời gian hội-nghị diễn-tiến.

Sở dĩ Hội nghị chúng tôi hoạt-động công-khai về *Tờ Trình* này, là có ý chấp-nhận nó với lòng cảm kích, rồi chỉ-thị cho các giáo-hội bỏ ra nguyên một năm học hỏi, tìm hiểu. Mọi giải pháp có được từ nghiên-cứu ấy buộc phải chuyển đến hội-nghị 1988, để bầu phiếu. Quyết định này, đã biến-hình và đi vào với giới truyền-thông.

Với báo chí ngoài đời và trong đạo, *Tờ Trình* nói đây gọi là “*Tờ Trình Newark*” được các nhóm chính-thức hoặc tư riêng, các giám mục và công-nghị địa-phận đem ra bàn-bạc xuyên đất liền. Nhiều cơ-quan/tổ-chức khác cũng đưa ra lập-trường khác biệt, lúc thì chống đối, khi thì cổ-võ lập-trường kiên-định với *tờ Trình* cốt ý bảo rằng: họ đã nhận được *tờ* này. Khi nói về tôi, có người ủng-hộ hết mình, có người lại chống-đối tối đa.

Xem như thế, các tranh-luận về dục-tình đăng trên *The Episcopalian* đã xuất-hiện hai ngày sau khi chúng tôi tổ-chức hội-nghị tại Newark. Trên báo này, lại cũng thấy bài dẫn-nhập do tôi ký được viết vào tháng Mười trước đó về các loại hình đổi thay về dục-tình. Nhiều người, lại đã có trong đầu thứ quảng cáo nói kết “*Tờ Trình Newark*” với bài viết do Giám mục Newark soạn, dù bài ấy đã được viết ba tháng trước khi tôi được đọc *tờ Trình*.

Về sau, mọi chuyện nói ở đây còn thêm rắc rối do có sự-kiện, là: vào tháng Mười Một, tôi có nhận một lời mời xuất-hiện trên truyền hình PBS của *William F. Buckley Jr* mang tên “*Lần Ranh Nóng Bỏng*” để tham-gia tranh-luận về nữ-giới có vai-trò nào trong giáo phận. Một đồng-nghiệp của tôi là *Gm William Wantland*, đáng chủ-quản giáo-phận *Eay Claire*, ở bang Wisconsin.

Chương-trình này, được thu hình ngày 26/1/1987, tức hai bữa trước ngày mà ai trong chúng tôi cũng đều nghĩ là “*Tờ Trình Newark*” có thể cũng tạo mâu-thuẫn quyết đậy lên một tranh-cãi. Sở dĩ có điều đó, là vì băng hình này được lưu giữ mãi đến ngày Một tháng Ba mới được phát sóng; và chương-trình này được coi như thành-phần của buổi tranh-luận về dục-tình.

Trải dài suốt nhiều ngày tháng, thư từ dồn về hộp thư của tôi nhiều đến độ tôi không làm sao trả lời thỏa-mãn hết mọi người được. Và cứ thế, tôi lại dần thân tham-gia nhiều tranh-luận khác, xuất-hiện trên đủ loại chương-trình mạn-đàm ở truyền-hình. Và cứ thế, tôi phải ngẫu nhiên đọc nhiều bài luân-lý/đạo-đức và rất cuộc, phải chấp-nhận lời mời viết lên tiểu-luận này. Rồi từ đó, đưa ra các vấn-đề tương-tự trước công-luận, ngô hầu quý độc-giả có thể suy-tư, bàn bạc.

Cuối cùng, tôi viết lên đây bài nghiên-cứu từng dẫn tôi đến kết-cục hiện-tại, là để có chất-liệu làm nền tìm-hiểu các vấn đề đặt ra như thế; rồi sau đó, lại được đề-nghị viết thành sách thế này đây. Đài truyền-hình đòi hỏi câu trả lời của tôi phải thật đơn-giản và kết-luận phải nhanh chóng. Đây, chỉ là phương-tiện truyền-thông còn nông cạn, chóng vánh. Các bài tường-thuật trên báo, lại cũng cho phép tôi gom gộp nhiều chi tiết nhưng không được phép dài giòng kiêu tràng giang đại hải. Những điều viết trên báo, dù chỉ mới xảy ra hôm qua thôi, nay cũng trở thành chuyện quá khứ kéo dài đến muôn đời.

Trong khi đó, sách vở lại đóng góp nhiều điều kéo dài và chân thật với các cuộc bàn bạc, hoặc tranh-luận. Nó tạo cuộc đối-thoại với người đọc. Sách vở lại cũng tập-trung vào nhóm hội bàn-luận ở nhà thờ và gọi hứng cho vị mục-tử để viết bài giảng, điểm sách và các phản-ứng tích-cực cũng như tiêu-cực, cả bằng chữ viết cũng như nói miệng. Sách vở có thể đặt trên kệ, để rồi được lấy xuống để ngày tháng mãi về sau. Thành thử, nó được coi như mới cứng hầu tạo phản-ứng, đối phó. Điều đó, đương nhiên trở-thành phương tiện trao-đổi mà tôi thích nhất.

Độc-giả của tôi cần biết rằng tôi vẫn hiểu là mình không thể viết lách hoặc suy-tư ngoài khuôn-khổ một tham-khảo. Tôi quyết-tâm xử sự theo tư-thế khách-quan, thâm-nhập tận bên trong kinh-nghiệm của nữ-giới, đám người đồng tính luyến ái nam nữ, người da màu và những ai ở vào hoàn-cảnh kinh-tế xã-hội từ quan-điểm của chính tôi.

Thế nhưng, là nam-nhân được nền văn-minh Tây phương định-hình, tôi giao-dịch với người khác phái, người da trắng thuộc giới trung-lưu, vô vọng. Tuy tôi không nghĩ rằng điều này ảnh-hưởng lên nền triết-học kinh-viện của tôi, nhưng nó vẫn ảnh-hưởng lên các câu hỏi tôi đưa ra, và cả cung-cách tôi xử-lý dữ-liệu cùng các giá-trị tôi từng đưa vào kết-luận khác nhau. Vì thế nên, tôi có được bản thảo này là để quảng đại đa số người đọc phẩm-bình, hầu hy vọng có thể khuếch-trương tính toàn-diện và lập đường để hướng về cấp bậc khách-quan cao hơn nữa.

Viết lên tập sách này, phải nói là tôi chịu ơn rất nhiều người. Trước nhất, là *Wanda Corwn Hollenbeck*, cô thư ký tuyệt-vời lâu nay làm việc rất đặc-lực lại đầy hứng-thú để ra sách theo cùng một cường-độ như tôi; cô là người luôn có mặt tại văn-phòng làm vui lòng khách đến, vừa lòng khách đi. Hai trong số ba phó-tế của tôi ở Tổng Giáo-phận là *Denise G. Haines* và *Leslie C. Smith* đều là biên-tập-viên chính.

Phó tế *Haines* là biên-tập-viên sáng giá, sâu sắc, toại nguyện với lối chọn ngôn-từ thật sắc bén. Cô am-hiểu thuật-ngữ mang sắc-thái tư riêng, cách tuyệt-diệu. Cả cô lẫn tôi trước đây đã tham-gia trở-thành đồng tác-giả một cuốn sách. Và, tôi còn chịu ơn cô không ít.

Trong khi đó, phó tế *Smith* trước đây từng là biên-tập-viên nhà nghề chuyên điếm sách. Ông là người được chúng tôi dành mọi tin-tưởng khi chạy đến nhờ định-vị chữ nghĩa, văn phạm và phong-thái viết lách. Ông xuất thân từ trường chủng viện với thành tích uyên-bác lâu nay được tuyên-dương công-trạng xuất-sắc trong học-tập. Ông vẫn đóng góp không ngừng cho bản thảo sách này. Vị phó tế thứ ba trong Tổng Giáo phận là *James W.H. Sell*, là người đứng mũi chịu sào tổ-chức trại hè trong lúc sách này lên giàn khuôn viết thành truyện, nhưng ông lại cũng không ngừng đối-tác với tôi để đưa ra giòng chảy tư-tưởng chính-yếu.

Hai nhân-viên điều hành là giáo dân trong địa phận, *John G. Zinn* lo phần tài chánh và *Christine M. Barney* phụ trách phần hành-chánh, người nhận thêm phần-vụ thêm thắt và mối xúc cảm khi sách này được phát-hành. Tất cả làm việc với thái-độ say mê, vui tươi, lịch-duyet biến thành sự hỗ-trợ kéo dài.

Những người còn lại, gồm nhân-viên trong Tổ Công-tác, gồm có: *Marge Allenspach*, *Susan Ayers*, *Cecil Bruner*, *Tupert Cole*, *Sharon Collins*, *Gail Deckenbach*, *Dale Hart*, *Olga Hayes*, *Wendy Hinds*, *Robert Lanterman*, *Barbara Lescota*, *Australia Lightfoot*, *William Quinlan* và *Elizabeth Stone*, tất cả đều đã đóng góp cho sách này bằng nhiều cách; và tất cả đều biến văn phòng làm việc của chúng tôi thành nơi để sống và làm việc.

Sinh-hoạt vào thời gian sau đó, còn là giai-đoạn khá thích-thú với đủ mọi kinh-nghiệm gia-tăng cuộc sống rất hữu-hiệu. Lời cảm-kích được gửi đến Michael Lawrence, Tổng biên-tập của tôi đã đóng góp rất nhiều cho sách này được hoàn-thiện. Ông là người lâu nay từng làm việc với tôi rất nhiều năm.

Chủ-quản địa-phận *Eau Claire* là Giám mục *William Wantland* trở thành người đầu tiên nằm phía đối đầu với tôi trong tranh-luận. Ông là người đóng vai trò đối-tác rất đáng quý-trọng, dù tôi chỉ đồng-thuận với ngài rất ít điều, nhưng tôi vẫn khâm-phục và tôn-kính cũng như duy trì tình bằng-hữu quý giá đối với ngài. Dù không bỏ phiếu thuận cho ngài, nhưng tôi vẫn vui lòng đặt hết tin tưởng đời mình cho ngài.

Các giám mục khác cũng đã hỗ-trợ cho nỗ-lực của tôi gồm có Đức Giám Mục *George Hunt*, chủ quản địa phận *Rhode Island*, Giám mục *Coleman McGee* của Michigan, *William Swing* của California, *Wesley Frenadorff* của Arizona, *Paul Moore* của New York, Giám mục hồi hưu *John Krumm* của Nam Ohia, Giám mục hồi hưu *John Burt* của Ohia và Giám mục chủ tịch đoàn là *Edmond Browning* nữa. Một số thành-viên của Hội đồng Giám mục cũng đã thách-thức tôi rất nhiều điều buộc tôi phải bảo-vệ và suy-nghĩ lại một số vấn-đề.

Trước tiên là các vị vừa kể tên ở trên, không kể đến Giám mục *Wantland* còn có *Gordon Charlton* và *Maurice Benitez* của Texas, *Harry Shipps* của Georgia, *Clarence Pope* của Fort Worth, *Robert Witcher* của Long Island và *Harold Robinson* của miền Tây New York, tôi xin ngả mũ kính chào các vị thuộc cả hai nhóm.

Qua nửa đường hoàn-tất sách này, tôi cũng đã trang-trọng bỏ ra nguyên buổi chiều để bàn bạc tư-tưởng để viết cuốn sách này với Tiến sĩ và phu-nhân *Robert Lahita*. Tiến sĩ *Lahita* là Phó Giáo sư Y-khoa Đại-học-đường *Cornell* ở New York và là thành-viên khoa Y trường Đại-học Cao Đẳng Y-khoa *Cornell*.

Trên địa hạt luân-lý/đạo-đức về dục-tinh trong đó lâu nay tôi từng hoạt-động là bộ môn ông rất thích, nên ông có trao cho tôi một số sách cùng bài viết phản-ánh các nghiên-cứu mới nhất về khoa-học. Ông cũng hoan-nghênh, cổ vũ sự kiện có thành-viên trong hệ-cấp Giáo-hội muốn mở rộng tầm tay ra với thế-giới khoa-học. Kinh-nghiệm ông có trước đây với các nhà lãnh-đạo tôn-giáo cho thấy là: các vị này quan-tâm nhiều đến việc quảng-bá hơn là nói lên sự thật về vấn-đề ấy.

Chiều hôm ấy, quả là một buổi chiều đầy thích-thú, đáng ghi nhớ. Bởi thế nên, tôi cũng gửi đến *Bob* và *Terry Lahita* lời cảm kích biết ơn, đặc biệt là *Bob* một người từng đọc bản thảo rất kỹ lưỡng và cũng đóng góp viết bài mở đầu cho tập sách này.

Riêng vị cố-vấn đồng thời là bạn hiền nhiều năm từng giúp đỡ tôi là ngài *John Elbridge Hines*, vị giám mục hồi hưu của Giáo hội *Épiscôpan*. Hầu hết các ý-tưởng tôi có được vào lúc này hay lúc khác là do bàn-thảo với ngài. Kiến-thức, sự khôn-ngoan tinh-tế và kinh-nghiệm dày dặn của ngài đã làm phong-phú hóa đời sống của tôi rất nhiều. Phần lớn các đoạn trong sách này được viết ra đây có được vào thời gian tôi ghé thăm ngài ở *Black Mountain*, miền Bắc tiểu-bang Carolina. Tôi vẫn coi ngài là một trong các đấng bậc để tôi thi đua, đạt thành tích.

Giáo-phận Newark là thành-phần có một không hai của Giáo hội *Épiscôpan*. Nơi đây có cả thủy bẫy quận lỵ thuộc miền Bắc bang *New Jersey* có đường ranh tiếp giáp sông *Hudson* về phía Đông và sông *Delaware* ở mạn Tây. Đây là một trong những quyền tài phán thuộc truyền-thống Anh giáo ở Hoa Kỳ. Bên trong hàng ngũ các vị này còn thấy một số các giáo sĩ trở bật mà tôi được biết bấy lâu nay. Một số các vị khác cũng tham-gia can dự, lại chu-đáo, đều là giáo dân giỏi dang tôi từng gặp.

Giáo-phận này, nổi tiếng là chốn miền tạo nhiều tranh-luận xuất hiện nhiều năm trước các vị chủ quản đương-nhiệm. Tôi tin rằng, điều đó là do các vị ấy muốn tỏ ra cởi mở với các vấn-đề thời-đại, lại có can-đảm tiếp-cận chúng. Tôi thầm tạ ơn Chúa đã phú ban cho tôi cách nào đó ân-sủng đặc-thù để có thể bỏ ra nhiều tháng năm trong đời sống chuyên-tu bên trong khuôn viên giáo-phận đầy hứng thú này. Thế nên, tôi cũng xin gửi đến hàng giáo sĩ và giáo-dân trong giáo phận của tôi, lời tri ân nồng ấm.

Cuối cùng, tôi cũng xin chào mừng gia đình tôi, cách riêng Joan bậc hiền-thê đáng quý cùng các cô con gái diễm kiều là *Allen* (cùng chồng là *Gus Epps*), *Katharine* cùng chồng là *Jack Catlett* và *Jaqueline* hiện đang sống mãi tận nơi xa xôi thuộc Đức quốc nên ít có cơ hội tiếp chuyện với riêng tôi. Cùng đại-diện thế hệ nối tiếp đã gọi hứng cho tôi mỗi ngày trong đời để đặt tin tưởng vào sự khôn-ngoan đã trời hiện trong đời của các cháu và còn đề-nghị là Giáo-hội nói chung cũng nên nhận đón nổi khôn-ngoan ấy, cách nghiêm-chỉnh.

Hồi đó, thời tổ-tiên/ông bà mình còn sống, có nhiều năm tháng ngày giờ được gỡ bỏ khỏi niên-lịch thường dùng; và khi ấy, lại đã thấy xuất hiện một ngôn-sứ mang tên là Giôna.

Ngôn-sứ Giôna luôn đoan quyết một chuyện, đó là: tình thương của Chúa rất có giới hạn. Sở dĩ ông nói thế, là vì ông dựa vào tình yêu của chính mình, nên mới giả-định rằng: Chúa ghét bỏ và giáng hạ hết mọi người. Bởi thế nên chính ông, tức: Giôna, cũng chối bỏ và hạ giáng khá nhiều người mà ông ghét ghen, kình địch. Vì thành-kiến cứng ngắc, ông Giôna đã định-vị cuộc sống chỉ dành riêng cho người Do-thái-giáo công-minh/chính trực, thôi.

Một hôm, Chúa tỏ bày với ông Giôna bằng những lời thân-thương thường vẫn như:

*“Hỡi Giôna,
Ta muốn người
ra đi đến với dân Ninivê
để rao giảng.”*

Bỗng thấy hồn vía thoát lên mây do ý-tưởng này, ông Giôna bèn thưa cùng Chúa những điều mà chính ông cũng chẳng tin tưởng, nhưng vẫn nói:

*“Lạy Giavê Thiên-Chúa,
Ngài có đùa với con không đấy? Ngài thừa biết, Ninivê là chốn thành-đô của người Assyri, tức đất
miền đầy tai-họa của thế-giới chứ? Ngài dư biết mọi chuyện, nhưng sao Ngài lại cứ muốn bầy tôi
rao giảng cho đám dân Ninivê đến độ như thế?”*

Nghe Giôna đáp, Chúa không sồn lòng, vì lý-luận và lời từ chối của ông thật hời hợt. Ngài cất tiếng đánh bạt mọi thành-kiến nằm sẵn trong đầu ông. Bằng tính kiên-trì rất thánh, Chúa lập lại đòi hỏi khá cứng-cỏi khiến ông có chạy đàng trời cũng không thoát khỏi những điều Ngài truyền dạy. Lệnh truyền xuất tự Đấng có thẩm-quyền, luôn nhấn mạnh rằng: ông phải thực-thi mệnh-lệnh, dù không thích. Và sự thể còn tồi tệ hơn, khi ông nghĩ mình không nên làm thế; bởi lẽ, ông cứ chống đối các lệnh truyền gửi đến với ông.

Bởi thế nên, ông Giôna bèn ứng-xử theo cách cổ-điển, mà người ngày nay gọi là “câu giờ” hết như dân con bất tài, thụ-động vẫn làm thế đối với đấng bậc nắm quyền-hành. Ông nói “Vâng”, nhưng lại hàm-ngụ một quyết-định tiêu-cực, cứ để đó rồi không làm gì cả. Ông giả dạng hài-lòng trong chốc-lát với hy-vọng là: Chúa sẽ quên lãng cái thói đại-dột của ông, rồi Ngài lại cũng quay sang chuyện khác như vẫn xảy ra ở vài nơi, vào thời trước ở thế-giới bên kia.

Để chứng-tỏ thiện-chí, ông Giôna quay về để chuẩn-bị lên đường. Ông gói ghém đồ-đặc thật cẩn thận, rồi đi thẳng xuống cảng, dự tính lên thuyền thoát khỏi tình huống “chẳng đặng đừng” khi ấy, tức: thay vì quay về Ninivê tuân-hành lệnh-truyền của Đức Chúa, ông lại hướng ngược lên vùng *Tarshish* xa tít mù.

Ông nghĩ đây là lỗi lầm khả dĩ còn châm chước được, giả như Chúa biết mưu-đồ của ông ngấm ngấm ở bên dưới. Ông Giôna tới trạm kiểm soát rồi lẳng lặng bước vào phòng chờ, mở bao bị lấy áo quần đơn sơ/gọn lỏn ra mặc rồi xoa lên đầu chút kem dấm nắng.

Xong xuôi đầu đầy, ông bèn ngả người lên ghế bố, khoác cặp kính mát lên mặt rồi đọc vội vài giòng ghi trên báo lá cải giống hết tờ *Times* ngày hôm nay. Ông giả dạng thường dân du lịch đây đó cũng khá đạt. Khi thuyền lướt sóng hướng về miền Địa Trung Hải, ông Giôna thở phào nhẹ nhõm. Ông vừa thoát nạn không còn vướng bận với khối lệnh truyền của Đức-Chúa; và như thế, có nghĩa: ông đã giữ an-toàn mớ thành-kiến khó phai. Hơn nữa, ông lại đã cứu được Chúa khỏi bị vướng-mắc lỗi lầm nghiêm-trọng khá đáng tiếc. Mọi sự diễn tiến tốt đẹp ngay từ đầu.

Nhưng sau đó, bỗng có làn mây đen kịt xuất-hiện trên bầu trời tăm tối bao trùm nóc thuyền như cố ý đưa thuyền ông đến những nơi ông chưa hề biết tới dù ông có thành-thạo cách mấy cũng không thoát được cảnh-tượng xô đổ, đương xảy đến. Từ đám mây đen bao phủ bầu trời, nay thấy xuất-hiện nhiều tia chớp loé sáng, rồi đến tiếng sấm nổ bùng và cơn mưa như trút đã đổ tràn những nước lên con thuyền mỏng manh của ông, trong nháy mắt.

Vị thuyền-trưởng vốn là người kính sợ Chúa, chợt thấy hiện-tượng thất-thường này, bèn nhận ra rằng: chắc có điều gì không ổn xảy đến, ông ta bèn lớn tiếng kêu:

“Chắc hẳn Thiên-Chúa vừa trút cơn giận nãy lửa của Ngài lên đầu ai đó đang hiện diện trên thuyền này”.

Nhất quyết tìm cho ra ai là thủ-phạm, thuyền trưởng nhà ta bèn sử-dụng thủ-thuật mình từng kinh-nghiệm, ông lấy ra một số cọng rơm khô xếp thành hàng dọc quanh mạn thuyền, cuối cùng cũng kịp thấy nhiều cọng rơm đen rớt trên đầu ông Giôna.

Thuyền-trưởng bèn lên tiếng hỏi:

-Này Giôna, có phải anh vừa làm điều gì phạm tể đến nỗi Chúa trừng-phạt ta thế này không?

-Chẳng giấu gì ngài, Đức Chúa có gọi và sai tôi ra đi rao giảng cho người dân thành Ninivê, nhưng tôi không nghĩ là Chúa có ý làm thế. Cuối cùng thì, người Ninivê dân ngoại, khó lòng được Chúa đoái thương hầu thụ-hưởng chút lộc thánh từ Ngài.”

Vị thuyền trưởng, xem ra cũng hài lòng với lời kể lể của Giôna, coi đó như một giải-thích thỏa-đáng, khá mãn nguyện. Thành thử, thành-kiến là động-thái rất có lý đối với những người chuyên mang nặng chuyện tương tự. Bởi thế nên, thuyền-trưởng nhà ta bèn quyết-định lướt vượt trên bão tiến về phía trước mà đi. Tuy nhiên, ngay lúc đó đã có tia chớp sáng loáng cộng thêm vào là tiếng sấm dữ dội như thể trời đất đang đón chào quyết-định sáng suốt của ông Giôna.

Thoạt có đợt sóng vỗ mạnh lên mạn thuyền, khiến chiếc ghé ông Giôna đang ngồi đã trôi về cuối mạn thuyền khiến ông phải nắm vội thành tay vịn cho khỏi trôi chìm vào giòng nước. Rồi sau đó, ông bèn xét lại quyết-định hơi vội của mình.

Thuyền trưởng bèn nói với ông Giôna:

-Suy nghĩ lại đi, này hỡi anh Giôna.

Nếu có phải hy-sinh điều gì để thi-hành lệnh ngay tức khắc, thì tôi chọn ông trước đây.

Nói xong, thuyền trưởng tìm chọn ba thủy thủ thật khỏe mạnh mỗi người nắm bắt tay/chân ông Giôna đồng thời đếm “một, hai, ba” ném ông lên mạn thuyền ở trên cao.

Cũng may, Đức Chúa đã chuẩn-bị trước cho trường-hợp này, nên Ngài đã gửi đến một chú cá lớn tưng bừng song song mạn thuyền, chờ đến lúc thuyền ra giữa giòng sẽ hát ngược ông Giôna lên cao đồng thời ngay lúc đó chú cá nọ bèn mở miệng cho thật lớn hứng chịu toàn thân ông Giôna rơi tọt vào bụng cá, mà cả người ông đều không dính một nước nào hết. Ông Giôna lại rơi vào khoảng không-gian khó nhận ra là thứ gì, rồi ông thấy mình nằm yên vị trên mảnh đất mới tuy hơi nhỏ thuộc biển Địa Trung Hải.

Ông Giôna lại có khả năng thích-nghi với hoàn-cảnh mới. Ông bắt đầu tạo cảnh sống cho dễ chịu. Ông treo màn cửa lên cho mát mắt rồi sắp xếp mọi sự cho ổn-định và thấy rằng đây là đoạn đường mới, trong cuộc sống của chính ông. Ba ngày đêm trong bụng cá lớn mãi đến khi chú cá không còn sức chịu đựng ông được nữa, bắt chợt nó bèn ợ một tiếng thật to rồi phun toàn thân thể ông ra khỏi miệng.

Ra khỏi miệng cá, ông Giôna lại đã rơi xuống giải cát lạ, thật êm ắng. Kịp lúc giòng nước mặn cùng các tơ nhện trôi tuột khỏi lỗ tai lúng búng của mình, ông Giôna bèn xem xét tình-huống vừa xảy đến nghe như có giọng nói quen thuộc hò hét từ đâu đó, cứ bảo rằng:

*“Này hỡi Giôna,
người muốn đi rao giảng theo kiểu nào
cho dân thành Ninivê đây?”*

Thấy mình không thể làm gì khác, ông bèn thưa:

*“Thưa Ngài,
công-nhận là Ngài đã thắng.
Tôi sẽ tuân-lệnh Ngài
mà ra đi.”*

Cuối cùng, ông Giôna không làm sao tranh-luận nổi với Đức Chúa. Tuy nhiên, thành-kiến nói ở đây không nhanh chóng rời bỏ ông hoặc dễ cạn kiệt. Lúc đầu, ông chỉ có ý điều-khiển nhân-vật có quyền sinh quyền sát để xem sao; nhưng thấy mình hoàn-toàn thất-bại. Bởi lẽ, Đức Chúa không suy-xuyển hoặc nao-núng chút nào hết. Tiếp theo đó, ông lại tìm cách chống-trả theo lối quen thuộc hầu đối đầu với thứ quyền-bính khó lòng mà thuyết-phục bằng cách thưa cùng Ngài, rằng:

“Vâng thưa Chúa,

tôi sẽ làm những gì Ngài dạy. Nhưng, tôi sẽ làm theo kiểu riêng mình. Tôi sẽ tuân-thủ từng nét chữ nơi mệnh-lệnh của Ngài, chứ không theo tinh-thần lệnh. Ngài truyền cho tôi đi rao giảng cho người dân thành Ninivê, nhưng Ngài lại không cho tôi biết làm cách nào để rao giảng hoặc đến nơi nào ở Ninivê để giảng rao. Thế nên, tôi sẽ thực-hiện việc rao giảng ấy hoặc đến nơi được chỉ-định ở Ninivê để rao giảng và sẽ làm như thế trên từng lối đi cũng như ngay sau các con đường ở phố chợ. Và tôi cũng sẽ chỉ âm ừ, ú hự đôi ba tiếng giữa hai hàm răng thôi. Một mặt, tôi nguyện nghe theo lời Ngài chỉ dạy; còn mặt kia, tôi lại sẽ hoàn thành mục-tiêu theo ý riêng tôi.”

Cứ thế, ông Giôna lên đường đạt từng lối đi và ngay sau các con lộ tẻ, rồi tìm cách gây tai tiếng bằng động-tác ú ớ qua hơi thở, thôi. Khi ấy, Đức Chúa bèn phán dạy:

‘Hãy hối cải!

Hãy ra tay tạ lỗi

và canh cải mà quay về với Chúa’.

Ông Giôna hy-vọng là: không ai nghe được tiếng Chúa. Và từ đó, chắc chắn không một ai buồn trả lời tiếng/giọng của Ngài. Nhưng rõ ràng, ông không thể tin được, là: người dân thành Ninivê đều nghe được tiếng/giọng và trả lời Ngài. Hàng ngàn người cứ thế tháo chạy khỏi nhà và ra đường xé áo, dầm ngực khẩn nài Chúa thứ tha tội lỗi và cầu khẩn Ngài đủ lòng xót thương. Cả thành được cứu vớt.

Ông Giôna khi ấy đã trở-thành nhà giảng-thuyết lấy lừng nhất mọi thời. Tuy nhiên, ông lại cũng tỏ ra bực bõ, rồi nói:

“Lạy Đức Chúa,

Tôi cũng biết là sự việc này rồi cũng xảy đến thôi.

Nhưng, nay Ngài phải thứ tha đám dân khốn khổ này

Ngài vốn xót thương mọi loài,

Thì cũng đừng ra tay hủy hoại đám dân đen nay biết lỗi

Để rồi cứu vớt họ.

Sao Ngài lại làm thế, lạy Đức Chúa?

Làm sao tình thương xót của Ngài không dừng lại ở lằn ranh

giữa tình thương yêu và lòng thương xót hết mọi người?

Sao Ngài lại không ghét bỏ mọi con người như tôi từng làm thế?

Đám dân đen này nào đáng để Ngài xót thương đâu, chứ.”

Lòng đầy giận dữ, ông Giôna dậm chân rời khỏi chốn thị-thành xuống đồi đi về hướng khác, trong lúc đám dân đen vừa hồi hướng trở thành người Ninivê mới mẻ dơ tay cao nguyện cầu chúc tụng bằng câu hát: *“Ôi huệ-lộc nhiệm màu đáng kính”* và lời kinh cứ thế vang vọng mãi tận quê miền heo lánh. Cuối cùng, vốn dĩ quá chán ngán với tình-hướng bất-ưng, ông Giôna rơi vào giấc ngủ triền miên với mộng寐.

Ông cứ trần trọc quay qua quay lại mãi đến lúc mặt trời hừng sáng. Tỉnh dậy, ông mới biết là Đức Chúa vừa biến mất cách lạ lùng. Tuy nhiên, suốt đêm, Đức Chúa đã cho cây lớn mọc lên trên sườn đồi. Thoạt khi nắng hè nóng bỏng đổ xuống lên toàn thân, ông Giôna bèn tìm nơi có bóng rợp dưới lùm cây xanh mát kịp đến lúc làn gió sa mạc bắt đầu thổi, ông Giôna thấy mình được che chở phía sau lưng thân cây to lớn. Xem chừng ông cũng phải chịu đựng cuộc sống và khí thế của chính mình.

Màn đêm xuống, ông Giôna ngủ vùi dưới mấy cành cây lớn tương như được cây to che chở. Tuy nhiên, đêm ấy Đức Chúa mới cho côn trùng đục khoét cây to xuyên suốt thân/cành trụi hết lá cho tới lúc cây to bị mục nát, chết khô, thành cát bụi. Khi Giôna tỉnh giấc nồng, ông đã thấy cây to quý kia nay chết mục, ông khóc sụt sùi suốt mãi không dứt. Nước mắt ông lãng đọng niềm cay đắng đến sâu buồn. Cuối cùng thì, vào cuối hôm sau, Đức Chúa phá vỡ bầu im lặng và nói:

“Này hỡi Giôna,

Phải chăng điều lạ khi người than khóc

và tiếc nuối loài cây cối

cả đến loài cây vô cảm là thế

bởi chúng là loài sớm mọc tối tàn ư?

Người còn chịu được cơn đau nhói của loài cây vô giác

huống hồ lòng dạ vô cảm đối với 120 ngàn dân

đang sống trong thị-thành Ninivê kia

đến độ chẳng nhắc nhở gì đàn bò của họ nữa.”

Nói đến đó, sách Giôna đã đóng lại, đi vào đoạn kết thật khó biết.

Điểm son nơi tác-giả nói ở đây, là chuyện ông cho người đọc thấy được đường nét méo mó/trẹo trẹo nơi cốt truyện Giôna, ở Cựu Ước. Và, do bởi truyện kể được đọc lớn tiếng trước đám đông quần chúng, khiến người nghe phải cười khẩy vào lập-trường cứng-ngắc, đầy thành-kiến của các ông.

Người nghe, lại cũng kháo láo với nhau về cốt truyện lạ kỳ và động-thái khôi-hài của ông Giôna trước đám đông quần chúng. Và, ngang qua cung cách quay ngược giòng, động-thái này còn giúp người nghe nhận ra tính “dị hợm” của ông Giôna là điều lạ kỳ của những người như các ông.

Niềm tin có giới-hạn của ông Giôna, lại là sự tin-tưởng khá ư hẹp-hòi của các ông ấy. Và, cả đến đường lối phê-phán của ông ta cũng có thể áp-dụng vào chính các ông ở đây. Ông Giôna cầm gương soi, mới thấy là các ông đã nhìn sâu vào tận mắt của chính mình. Cứ từ từ, rồi ai nấy cũng nhận-thức được tình yêu Thiên-Chúa không có giới-hạn. Và, vòng tay ôm của Ngài sẽ không bị hạn-chế bởi những cái khoác tay của các ông bao giờ. Huệ-lộc từ Chúa sẽ không bị đóng khung hoặc hạn-chế bởi thành-kiến cũng như các định-nghĩa do các ông đây tạo nên.

Bài học ông Giôna rút từ Kinh thánh, lại cũng kêu gọi ta không chỉ sám-hối và tuân-phục thôi, nhưng còn nhận-biết nhiều điều khác nữa. Thành-kiến, đã dựng nên bức tường thành vây-phủ mọi người qua cảm-giác an-toàn do Chúa trao ban sự sống cố-định ở một chỗ, nhờ đó ta biết đường tăng-trưởng với những người cởi mở hoặc bén nhạy.

Những người như thế, có khả-năng phản-ánh tính bao gộp vô hạn-định của Chúa và lời Ngài mời gọi không cố ý ngăn chặn/gạn lọc như Tin Mừng Máthêu từng viết lên lời Đức Kitô mời gọi mọi người, như Kinh Sách từng ghi chép:

“Tất cả hãy đến với tôi.”
(Mt 11: 28)

Lời mời gọi “bao gộp mọi chuyện”, là di-sản của Hội-thánh chủ-trương dù người được mời có quan-tâm những chuyện như thế hay không. Mọi ủy-thác thánh-thiên, là phần nảy sinh còn rất sớm từ truyền-thống Kitô-giáo như Tin Mừng Máthêu vẫn cứ bảo:

*“Các ngươi hãy đi thu nạp môn đồ khắp muôn dân,
Thanh tẩy chúng, nhân danh Cha và Con và Thánh Thần,
dạy họ tuân giữ mọi điều Ta đã truyền cho các ngươi.”*
(Mt 28: 19)

Và thánh Phaolô lại cũng thêm:

*“Không gì có thể tách rời chúng ta
khỏi lòng mến của Thiên Chúa
trong Đức Kitô Giêsu, Chúa chúng ta.”*
(Rôma 8: 39)

Cũng có thể, cụm-từ “*Không gì*” đây mang ý-nghĩa là: “*chẳng có gì hết*”, tức: không ‘khác-biệt’ về niềm tin, không ganh đua về giá-trị, không mang nặng động-thái hoặc hành-vi dục-tình, cũng chẳng có gốc nguồn sắc-tộc hoặc chủng-loại nào cả. Không gì cả và cũng chẳng có gì hết. Tự-vưng đây, mang nặng phẩm-chất tuyệt-đối vốn đòi ta gom gộp lại. Ngay Phaolô thánh nhân cũng ghi-nhận điều tương-tự trong thư gửi giáo-đoàn Côrinthô, như sau:

*“Trong Đức Kitô,
mọi người cũng sẽ được tác-sinh.”*
(1 Cor 15: 22)

Chắc chắn, tự-vưng “*mọi người*” nói ở đây đã định-vị tất cả mọi người, không loại trừ ai. Ngang qua nhiều thế kỷ, Giáo hội phải tự mình phấn-đấu kêu gọi mọi người hãy gìn giữ sự gom gộp này, cho nguyên vẹn.

Đoạn đầu lịch-sử Đạo, các vị mới hồi-hướng trở về với cộng-đoàn nhà Đạo, nhưng vẫn không được nghênh-tiếp cho đúng cách. Con đường dẫn đến Đức Kitô khiến mọi người cứ tưởng là đường độc-đạo dẫn mọi người đi vào lề-luật của Do-thái-giáo. Chính ông Phêrô là quán-quân theo nguyên-tác này. Ông Phaolô thì khác. Ông từng thách thức Phêrô thánh-nhân dựa vào danh tánh Đức Kitô và sự khích-bác giữa hai vị thánh này cũng mãnh liệt không ít.

Sự khích-bác vang rền này, lại được tác-giả thư Galát và sách Công vụ ghi chép hầu tỏ cho thấy: ông Phaolô đã toàn thắng. Và, Giáo-hội lại cũng ra khỏi cung lòng Do-thái-giáo đi vào với đế quốc La Mã, ngang qua diện-tích rộng rãi, đa-dạng gom gộp trong một chuyên-động đi vào một phổ biến, rất trải dài. Người Phương Tây khi ấy, coi đó là chuyện quan-trọng khi nhận ra rằng: người đầu tiên cảm thấy vết

hắn in nơi thành-kiến của Giáo-hội còn xuất hiện nơi bậc tiên tổ của chúng ta, tức: các vị vẫn được coi là “Dân ngoại”.

Các ngài không là đối tượng duy-nhất của thành-kiến. Giáo hội, trải dài qua lịch sử ngàn năm, từng nhận ra một Đức Chúa vốn khước từ/buông bỏ những gì Giáo hội từng bỏ và từng buông. Trong hầu hết ví-dụ, chính sự ngu-dốt là mỗi ngọn nuôi dưỡng thành-kiến hết mực. Những gì Giáo hội không am-tường, đều bị buông bỏ. Nhiều thế-kỷ trôi qua, vậy mà phụ nữ vẫn không được coi là thành-viên Giáo-hội mà chỉ là “nhân vật phụ-thuộc” thôi.

Những người có nguồn gốc sắc-tộc và tình-trạng kinh-tế khác-biệt đã khiến họ bị coi là “người ngoại quốc” tức ngoài cuộc, bị đày ải xuống hàng lang Giáo hội nên chỉ được phép phục-vụ qua vài trò phụ-thuộc, mà thôi. Tại miền Nam Carolina, vào năm tháng đầu của thế kỷ thứ hai mươi, các nhà lãnh-đạo Giáo hội Episcopal đã từng hăng say và miệt mài tranh-luận xem người da màu có tính “người” đủ để được tấn-phong ủy-thác làm phó giám-mục phục-vụ những chuyện mang “tính sắc màu” không. (*3)

Mọi người thuộc đủ loại sắc-tộc đều là nạn-nhân của Giáo hội có thành-kiến, cố-chấp. Các vị ở lẽ trái từng bị các vị lãnh-đạo Giáo hội gọi là “con cháu sự ác”. Những người tự-tử đều bị chối-từ không được phép chôn cất bên trong tường thành của nhà thờ. Bệnh tâm thần lại khiến con người khác biệt nhau và vì thế, mới hãi sợ và bị buông bỏ.

Người ly-dị nay tái-giá cũng không được đón tiếp bước vào bàn thánh các nhà thờ do bởi họ đã không tuân giữ lời thề khi kết hôn đều bị coi như đã mắc lỗi/tội gần như khó tha thứ. Từng biến-cổ tiếp theo biến cố, mỗi vấn-đề theo sau các vấn đề, ngang qua lịch sử Giáo hội, động-thái của ông Giônã lâu nay vẫn là thái-độ của Giáo-hội.

(*1) Từ nay, các chữ viết tắt B.C.E., C.E. và A.D. được hiểu là trước Công nguyên

(*2) X. các sách *Ezra* và *Nê-mê-hia* ở Kinh thánh Do-thái-giáo.

(*3) X. *The Journal of the Diocese of South Carolina, Episcopal Church, 1915-1930*

Tình yêu của Chúa vẫn được hiểu và duy trì do bởi những người nói về Chúa cho thế-giới của những người cũng cho đi và duy trì tình yêu của họ.

Trong những lần quét dọn lịch sử, các rào cản duy trì sự loại trừ/bỏ rơi lâu nay vẫn bị thách-thức phải gỡ bỏ ngày này qua tháng nọ vì sự hiểu biết tình yêu của Chúa sâu sắc hơn bao giờ hết, một tình yêu mạnh đủ để có thể thách-thức những thành-kiến hắn in nơi Kinh Sách. Bên ngoài mức độ sáng khoải của đời sống nhân-loại, vẫn luôn có một thứ Ninivê mời gọi mọi người chúng ta bỏ qua mọi hãi sợ mà mở lòng ra với nhân-loại có mặt nơi những người ta từ khước.

Ninivê hôm nay, vẫn thu hút mọi người trong cuộc sống của những ai không xứng-hợp với loại định nghĩa hạn-hẹp của Giáo hội về đạo-đức tính-dục. Những người như thế, nay đã lộ-diện nơi thể-chế đạo-giáo bằng các đáp-trả tương-tự như ông Giônã từng đối-chất với người dân Ninivê.

Tôi luôn tin tưởng rằng: Đức Chúa đang mời gọi Giáo hội hôm nay hãy đi đến với những người như thế, nam cũng như nữ, để rồi Ngài có thể mặc-khải cho Giáo hội của Ngài thấy được những gì Thiên Chúa từng tỏ dấu cho ông Giônã hiểu. Ngài vẫn luôn như thể bảo rằng: tình yêu và sự chuẩn thuận của Chúa không khi nào bị tắc-ngẽn do bởi các hạn-chế xuất từ tình yêu và sự ưng-thuận của con người.

THẤT BẠI MỞ RA CON ĐƯỜNG MỚI

Lm Giuse Mai Văn Thịnh, DCCT

Hôm nay, trong bài Tin Mừng chúng ta chứng kiến cảnh Đức Giêsu bị chối từ bởi những người bà con trong làng Người về thăm cố hương Nadarét. Dân trong làng vẫn nhận ra sự khôn ngoan trong lời giảng dạy của Người. Nhưng khi nhớ lại gốc tích và các kinh nghiệm mà họ đã từng trải qua với Đức Giêsu trong thời thơ ấu thì không một ai trong họ còn nhận ra quyền năng của Thiên Chúa đang hoạt động trong và với Người nữa. Đối với họ, Đức Giêsu vẫn chỉ là con bà Maria. Thân nhân và anh chị em của Người, họ đều biết rõ.

Đức Giêsu sinh ra và lớn lên trong một gia đình nghèo. Cha Người là bác thợ mộc quê mùa. Người thuộc về tầng lớp không được trọng vọng, chẳng có địa vị gì. Và như vậy, dù Người có nổi tiếng và làm được nhiều điều kỳ diệu tại các nơi khác, thì trước mặt họ, Chúa của chúng ta vẫn chỉ là con bác thợ mộc Giuse. Với gốc tích bần cùng và nghèo hèn như thế thì Đức Giê-su có thể làm được gì tại Nadarét để cho họ khâm phục!

Nói khác đi, Đức Giêsu không có quyền trở thành một người khác hơn là một con người do họ nghĩ ra và tạo nên. Có nghĩa là Đức Giêsu bị nhốt trong lối suy nghĩ và cách nhìn của họ. Người bị giam lỏng như một số người trong chúng ta vẫn thường xuyên nhốt Người trong các cơ sở vật chất, cho dù nguy nga và tráng lệ đến đâu; nhưng thiếu tình yêu, bác ái và lòng thương xót thì các đền đài đó còn có ý nghĩa gì hay không?

Với ngàn ấy lý do, chúng ta có thể thông cảm với cách hành xử thiếu tin tưởng của dân làng Na-da rét. Họ từ chối đón nhận sứ điệp của Người. Vì với lối suy nghĩ rất giới hạn và đầy thành kiến như thế thì làm sao họ có thể nhận ra chân tướng đích thật của Đức Giê-su! Làm thế nào họ có thể đón nhận Người là Đấng được Thiên Chúa sai đến để loan báo sứ điệp giải thoát và đem tin vui đến cho họ! Đó là các nguyên nhân đã làm mờ mắt họ khiến họ không còn nhận ra vẻ kỳ diệu và phi thường mà Thiên Chúa muốn tỏ bày qua con người của Đức Giê-su nữa. Đức Giêsu đối với họ vẫn là con người Nadarét.

Trước tình hình đó, Đức Giêsu còn biết nói gì hơn! Người chỉ biết trích một câu ngôn ngữ rất phổ thông để làm cho tình hình bớt căng thẳng, và đây cũng là dịp nhắc lại cho họ biết về sứ mạng và thân phận của một ngôn sứ. Đó là: “Ngôn sứ có bị rẻ rúng, thì cũng chỉ là ở chính quê hương mình, hay giữa đám bà con thân thuộc, và trong gia đình mình mà thôi.”

Công việc mà Đức Giêsu cần làm trong hoàn cảnh này là thắng thắn đối diện với tình trạng thiếu niềm tin của họ. Không thể để cho thái độ tiêu cực của họ làm cho Người bị nản chí hay bị gục ngã. Họ không tin. Nhưng các môn đệ cần nhìn vào gương sáng của Thầy. Gương sáng đó là niềm tin và tâm tình phó thác tuyệt đối vào Cha của Người, Đấng hiện diện trong mọi tình huống, nhất là trong những lúc Đức Giêsu cần đến Cha của Người. Bài học là như thế. Đức Giêsu đã trở thành gương sáng cho các môn đệ noi theo. Chu toàn ý định của Thiên Chúa hơn là đi tìm sự chấp thuận của thế gian, cho dù thế gian vẫn không tin Người.

Trạng thái thiếu niềm tin này có thể được cụ thể hoá qua lối sống của những người trẻ trong xã hội mà chúng ta đang sống hôm nay. Biết bao bậc làm cha làm mẹ đã và đang ngao ngán trước lối sống xa cách với niềm tin tôn giáo của con cái họ. Chính Đức Giêsu, dù là Đấng được Cha sai đến cũng đã gặp những người không tin, nhất là những người đó lại là thân nhân của Người.

Đứng trước thái độ không tin của những người đồng hương, Đức Giê-su dường như bị bất lực. Thật ra, không hẳn là như thế. Sự im lặng của Chúa có thể cho chúng ta biết rằng Người hoàn toàn tôn trọng quyền tự do mà Thiên Chúa đã ban cho họ. Cho dù con người đã nhiều lần sử dụng sai cái thẩm quyền đó. Nhưng vì yêu thương, Người vẫn tôn trọng và tìm cách khác để lôi kéo họ về nẻo chính đường ngay.

Có một sự thật vô cùng hiển nhiên mà chúng ta không thể chối bỏ được là Đức Tin tuy là điều cần thiết để nhận ra uy quyền của Thiên Chúa. Nhưng đức tin đó không phải là thành quả phát sinh từ sự cố gắng của con người, cho bằng đó chính là hồng ân cao quý của Thiên Chúa ban cho.

Và, với bản chất mỏng dòn và yếu đuối của con người như thế nào thì niềm tin của chúng ta cũng mỏng dòn và yếu đuối như thế. Chính vì thế, chúng ta cần có sự trợ lực. Sự hỗ trợ này không phát xuất bất cứ từ một sức mạnh nào, cho bằng nhìn nhận sự yếu đuối của bản thân, rồi để cho sức mạnh của Thiên Chúa được tỏ hiện. Đó chính là kinh nghiệm đã được san sẻ bởi Thánh Phao-lô trong bài đọc thứ hai mà chúng ta vừa nghe hôm nay.

Những gì mà Thiên Chúa đã nói với Thánh Phao-lô khi xưa, cũng là Lời mà Chúa muốn nói với chúng ta hôm nay. Đó là “Ơn của Thầy đã đủ cho anh, vì sức mạnh của Thầy được biểu lộ trọn vẹn trong sự yếu đuối.” Và Thánh nhân đã rất vui mừng và tự hào vì những yếu đuối của mình, để sức mạnh của Đức Ki-tô được biểu dương.

Đây, chính là bài học vô cùng quý giá cho những yếu đuối, thất bại và bị chối bỏ bởi người thân và những ai mà chúng ta quan tâm và hết lòng yêu mến. Chúng ta cần vững tin tiếp tục bước về phía trước, miễn sao chúng ta làm đẹp lòng Chúa là đủ rồi.

Vì thế, đứng trước sự từ khước của thân nhân và bà con lối xóm, Đức Giê-su đã không chấp nhận ngã gục hay thua cuộc, nhưng lại tiếp tục lên đường hoàn tất sứ mạng. Thánh Mác-cô nhận xét là Người ngạc nhiên vì họ thiếu lòng tin. Nhưng cũng chính vì ngạc nhiên mà Người tiếp tục tìm kiếm câu trả lời bằng cách thi hành sứ vụ. Câu trả lời đã đến qua việc Người đón nhận sự gục ngã toàn diện trên Thập Giá để củng cố niềm tin cho những ai đi theo Người. Và, đó cũng là cách mà Đức Giê-su muốn tỏ bày để biểu lộ trọn vẹn kế hoạch của Thiên Chúa thành toàn nơi bản thân Người. Và chúng ta, hôm nay, đang được mời gọi để thực hiện kế hoạch của Thiên Chúa chứ không phải sự đồng thuận hay hỗ trợ của thế gian. Xin cho những suy nghĩ, hành động và từng bước chân của chúng ta luôn ở trong kế hoạch vẹn toàn của Thiên Chúa.

Lm Giuse Mai Van Thịnh

VUI BUỒN NGHỀ KHAI THUẾ

Mây Chiều

Nói đến khai thuế thì hầu như bất cứ ai trong chúng ta cũng từng nghe qua, và nếu chúng ta có đi làm thì tất nhiên chúng ta phải khai thuế lợi tức, nếu không thể tự khai thuế thì chúng ta có thể nhờ bạn bè làm giúp, hoặc tới những trung tâm TaxHelp của chính phủ, nếu chúng ta thuộc dạng lợi tức thấp, và thuế

má đơn giản, thì nhân viên tại những trung tâm này sẽ giúp chúng ta khai thuế miễn phí. Chúng ta có thể điện thoại số 13 28 61 để lấy hẹn. Thông thường thì chúng ta hay đến những văn phòng khai thuế, nơi đây có nhân viên có bằng cấp và đăng ký giúp chúng ta khai thuế, lệ phí thì tùy thuộc thuế má của chúng ta có đơn giản hay phức tạp.

Năm tài chính tại Úc bắt đầu từ 01/07 năm này cho đến hết ngày 30/06 năm tới, trong khoảng thời gian này, chúng ta phải kê khai tất cả những lợi tức như tiền lương đi làm, tiền lời ngân hàng, tiền dividends từ những cổ phần, vãn vãn và vãn vãn. Trước đây, khai thuế thường được làm bằng tay, và sau cùng chúng ta phải tự tính xem chúng ta được lấy tiền về hay thiếu Sở thuế. Nhưng những năm gần đây, chúng ta có thể khai thuế on line, gọi là lodge online. Muốn thế, chúng ta phải mở một MyGov account, và từ đây nối kết với Sở thuế, và Sở thuế đã prefill tất cả lợi tức của chúng ta. Tiếp theo thì chúng ta khai thêm phần chước giảm nhằm hạ thấp lợi tức phải trả thuế, và sau cùng chỉ cần bấm nút calculate là chúng ta sẽ biết ngay chúng ta lấy tiền về hay là thiếu Sở thuế.

Công việc thật dễ dàng và chúng ta có thể tiết kiệm ít nhất là 80 đô, nếu một gia đình có bốn người phải khai thuế thì sơ sơ chúng ta tiết kiệm được 320 dol, một số tiền khá lớn. Có người nghĩ rằng năm nào mình có đi làm thì năm đó mới phải khai thuế, còn nếu không đi làm thì đâu cần khai thuế. Suy nghĩ này không đúng. Giả dụ năm 2020 chúng ta có đi làm, năm 2021 không đi làm vì thất nghiệp, rồi năm 2022 lại có việc làm, như vậy, mặc dù năm 2021 không đi làm, nhưng người này vẫn phải điền vào mẫu Non Lodgement Advice, nêu rõ lý do mình không phải khai thuế, rồi gửi về Sở Thuế. Ngay cả trường hợp một người qua đời, thân nhân cũng phải gửi tới Sở thuế tờ Non lodgement Advice nếu người quá cố không có lợi tức, hoặc phải làm tờ khai thuế phía bên trên trang nhất ghi thêm Deceased Estate nếu phải khai thuế.

Khai thuế cho phe ta nghe thì dễ mà lại khó, bởi lý do phe ta ai cũng muốn lấy tiền về tối đa, khai chi phí claim deductions để giảm lợi tức càng nhiều càng tốt, nhưng lại chẳng có giấy tờ chứng minh những chi tiêu của mình, mặc dầu khi khai thuế, mình không phải nộp theo các biên lai chi tiêu, nhưng trong vòng ba năm kể từ ngày khai thuế, Sở thuế có quyền yêu cầu mình gửi giấy tờ chứng minh nếu thấy mình claim quá lố, so với tờ khai thuế của những người làm cùng ngành nghề.

Lại có người muốn "claim" tối đa, nhưng lại muốn người khai thuế chịu tội, cũng có người muốn claim tối đa, và sẵn sàng chịu tội nếu bị Sở thuế sờ gáy. Trước đây thì người ký tên vào tờ khai thuế phải chịu trách nhiệm những gì mình khai, nhưng gần đây cả người khai thuế cũng có trách nhiệm. Thông thường dân Úc khi khai thuế không đòi hỏi nhiều, có sao thì khai vậy chứ không thích thêm mắm thêm muối, cũng vì vậy mà khai thuế cho dân Úc rất dễ dàng, họ không đòi hỏi gì cả, nếu khai thuế tại một văn phòng khai thuế lấy lệ phí rẻ nhất cũng tốn 80 đô, còn văn phòng của người Tây thì dễ cũng mất 90 đô, khổ nỗi đi khai thuế mình đâu có mặc cả trước được, khi nào hoàn tất họ mới nói mình bao nhiêu tiền, lúc đó thì cứ phải bấm bụng mà trả tiền.

Làm nghề khai thuế thì phải tuyệt đối giữ bảo mật cho thân chủ, thế nhưng gặp trường hợp trước đây hai vợ chồng cùng khai thuế, nhưng nay đã ly dị mà vẫn khai thuế cùng một nơi, rồi cứ muốn biết lợi tức của người kia. Quả thực là khó khăn cho người khai thuế vì trách nhiệm phải BẢO MẬT của họ. Cũng vì vậy mà bằng mọi cách, người khai thuế phải khéo léo từ chối để đừng làm phật lòng cả hai người. Lại có người hỏi số phone của người này người nọ, gặp trường hợp này mình phải làm gì? Thông thường thì tôi nói người đó chịu khó đợi tôi tìm số phone rồi sẽ gọi lại, nhưng thực sự thì tôi sẽ phone hỏi xem người có số phone có đồng ý cho người nào đó biết số phone của mình hay không, chỉ khi nào được chấp thuận thì tôi mới cho phone người hỏi, nếu không được chấp thuận thì tôi cứ nói là tìm chưa ra.

Có người đi khai thuế lại muốn khai thuế cho cả nhà, cho vợ hoặc chồng hoặc cho các con mà còn cho cả anh em mình. Gặp trường hợp này thì tôi yêu cầu được nói chuyện với người vắng mặt thì mới có thể khai thuế được. Cũng có trường hợp một người khai thuế nơi nào đó mà nơi đó làm không đúng, có thể vì văn phòng đó quá nhiều khách hàng nên tax agent đã để thư ký làm rồi sau đó chỉ xem sơ qua, nên không khám phá ra sơ suất, nhưng người này thắc mắc vì sao mình phải thiếu Sở thuế nhiều như vậy, và nhờ tôi xem lại. Thế là tôi tìm ra cái sơ xuất và làm đơn xin Sở thuế điều chỉnh cho họ. Kết quả tốt đẹp người này được thêm tiền, còn tôi cũng được bồi dưỡng chút đỉnh. Xin kể một trường hợp cụ thể: Anh B, 62 tuổi, khai thuế tại Cabramatta mỗi năm, anh nhận tiền hưu của CSS và có làm thêm chút đỉnh.

Trong 2 năm vừa qua, lần nào khai thuế anh cũng phải trả lại Sở thuế từ 2 đến 3 ngàn đô nên anh rất thắc mắc không biết vì sao mình phải trả lại Sở thuế nhiều như vậy. Được một người bạn giới thiệu, anh xin hẹn gặp tôi và sau khi xem hồ sơ khai thuế của anh trong hai năm 2019 và 2020, tôi tìm ra tax agent

của anh đã thiếu sót không claim super tax offset trên tiền super pension của anh, giả dụ CSS pension của anh là \$30,000 thì khi anh tới 60 tuổi, Số tiền này sẽ được bớt thuế là $\$30,000 \times 15\% = \4500 (tax offset), thế là tôi làm giấy tờ cho anh xin Sở thuế điều chỉnh lại thuế hai năm 2019 và 2020, và chỉ nhận thù lao khi nào anh đã được Sở thuế trả tiền, còn bây giờ thì tôi không nhận gì hết. Hai tháng sau anh phone cho tôi nói là quá mừng khi nhận được số tiền bồi hoàn \$5000 từ Sở thuế, một số tiền lớn làm cho vợ chồng anh sửng sốt và cảm ơn rối rít vì nhờ tôi mà được số tiền này.

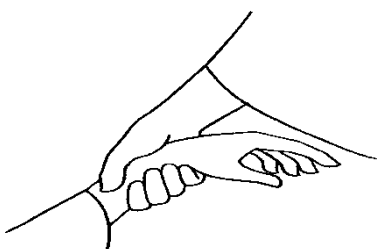
Một trường hợp khác là Ông X. đã nghỉ làm từ lâu, nhưng Ông này có tiền lời từ cổ phiếu mà công ty thường trả tiền này vào cuối tháng ba hoặc đầu tháng tư và lần nữa vào cuối tháng chín hoặc đầu tháng mười. Công ty bao giờ cũng phải trừ đi tiền thuế công ty phải đóng là 30% trên số tiền lời từ cổ phiếu. Ví dụ công ty trả tiền franked dividends là 42 đô net thì công ty đã trích ra 18 đô để trả thuế. Nói cho dễ hiểu là nếu tiền franked dividend là 60 đô gross, công ty sẽ trừ đi thuế công ty $60 \times 30\% = \$18$ và công ty chỉ trả cho chúng ta 42 đô net. Cả 12 năm qua, ông không phải khai thuế và cũng không hề biết gì về vấn đề này.

Thế nhưng nhờ trò truyện trong một cuộc du ngoạn, có người nêu lên chuyện này một cách ngẫu nhiên. Tình cờ là tôi cũng có mặt trong cuộc du ngoạn này và sau khi tìm hiểu rõ ràng hơn với ông, tôi đã giúp ông claim lại số tiền franking credit từ năm 2008 cho đến năm 2020, một việc làm không hề dễ dàng, thế nhưng nhờ ông còn giữ đầy đủ hồ sơ, tôi đã ra tay giúp đỡ để claim lui lại 12 năm. Hơn một tháng sau khi gọi hồ sơ về Sở thuế, ông đã phone cho tôi bày tỏ lòng cảm ơn sâu sa và quá mừng rỡ vì đã nhận được số tiền 2000 đô từ trên Trời rơi xuống.

Ông nói rằng nếu tôi không giúp đỡ ông thì ông mất toi số tiền này. Cho đến nay tôi đã claim refund of franking credit cho ít nhất là 4 người, và người nào cũng claim lui lại từ năm hay bảy năm trở lên, vì Sở thuế cho chúng ta *claim refund of franking credit* mà chúng ta đã nhận từ năm 2001. Đây chỉ là hai trường hợp nêu ra để chúng ta có thể hiểu vấn đề quyền lợi của chúng ta đối với Sở thuế.

Tất nhiên, khi đi khai thuế, bao giờ chúng ta cũng phải yêu cầu người khai thuế cung cấp cho một bản copy để dùng sau này. Thông thường thì người khai thuế chỉ cung cấp cho chúng ta tờ *Income Tax Computation*, là chúng ta sẽ được tiền hay thiếu tiền Sở thuế, cũng vì vậy mà bao giờ chúng ta cũng phải yêu cầu cung cấp bản copy để sử dụng sau này khi cần, giả dụ sau vài năm chúng ta muốn đổi qua nhân viên khai thuế khác, thì lúc đó chúng ta rất cần bản copy, nhất là nếu chúng ta có nhà cho thuê, hoặc làm kinh doanh, để làm dễ dàng cho nhân viên khai thuế mới. (Còn tiếp một kỳ)

Mây Chiều



Giọng cũ xa gần

Dân Gầy phụ trách

Lượng lật trên mạng

Người nào lấy tiền làm trung tâm thì người đó sẽ sống rất khổ.

Người nào lấy tình yêu làm trung tâm thì người đó sẽ sống rất đau thương.

Người nào lấy ganh đua, so sánh làm trung tâm thì người đó sẽ sống rất buồn khổ.

Người nào lấy tha thứ làm trung tâm thì người đó sẽ sống rất hạnh phúc.

Người nào lấy biết đủ làm trung tâm thì người đó sẽ sống rất khoái hoạt vui vẻ.

Người nào lấy biết ơn làm trung tâm thì người đó sẽ sống vô cùng lương thiện.

Không cho đi thì không nhận được, không mất thì không được, tay không buông vật đang giữ thì không thể nắm vật khác.

Bởi vì trái đất là hình tròn cho nên đối xử với người khác như thế nào thì người khác cũng sẽ đối xử với mình như vậy...

Vào đời thế nào, ra đi như thế... Tay trắng – Trắng tay

Thánh Lễ cầu nguyện cha Trần Ngọc Thao, DCCT Việt Nam 06/6/21

Lúc 4g30 chiều Chúa Nhật 06.06.2021

Gia Đình An Phong Sydney

đã xin Lễ cầu nguyện cho cha Yuse Trần Ngọc Thao CSsR

tại Nhà Thờ Our Lady of Rosary, Fairfield NSW

Với 2 linh mục DCCT đồng tế là:

Cha Yuse Mai Văn Thịnh - bề trên nhà Kogarah NSW, Úc và

Cha G.B Lê Đình Các - cộng đoàn DCCT tại Galong NSW, Úc

Ngoài ra cũng có sự hiện diện của

cha Nguyễn Xuân Hiếu DCCT đến từ Melbourne

và với sự có mặt của khá đầy đủ thành viên trong

Gia Đình An Phong Sydney

Buổi lễ đã được

Ông Trần Thanh Lịch - Trưởng Ban Mục Vụ Giáo Đoàn Fairfield, NSW

Anh Nguyễn Minh - Ca trưởng - và Chị Mỹ Linh

dành mọi sự dễ dãi cho việc phối hợp tổ chức lễ này.

Xin thành thật cảm ơn.

Sau thánh lễ, anh chị em đã có dịp hàn huyên tâm sự sau một thời gian dài không gặp vì Đại dịch Covid19 và chụp tấm hình lưu niệm.

CĐT Vũ Nhuận ghi nhanh có hình ảnh đính kèm.

CHA GIUSE TRẦN NGỌC THAO DƯỚI MẮT TÔI

Bài viết của Lm Phêrô Nguyễn Văn Khải DCCT.

Lại một cha nữa trong Dòng ra đi. Lần này là cha Giuse Trần Ngọc Thao. Một tuần mà ba cha về với Chúa là quá nhiều!

Thật là buồn! Tôi buồn ngây người ra! Những người tôi kính trọng, những người thương yêu tôi cứ lần lượt ra đi.

Tôi ngồi viết những dòng này mà nước mắt chảy dài. Vì tôi biết ngài là một trong những người yêu thương tôi nhất và nâng đỡ tôi nhiều nhất.

Vì trong Dòng Chúa Cứu Thế Việt Nam, ngài là một trong những người tôi kính yêu nhất, là một trong những cha có đời sống tu hành mẫu mực nhất, có đóng góp nhiều nhất trong việc xây dựng Nhà Dòng và Giáo Hội.

Thánh Alfonso nói rằng nếu viết đúng thì tiểu sử của mỗi vị thánh phải dày ít nhất gấp đôi.

Viết đúng là viết cả những giới hạn, yếu đuối và tội lỗi mà con người ai cũng có. Ai bảo mình không có thì đấy là người nói dối. Thánh Gioan nói vậy.

Nhưng thật ra với cha Giuse Trần Ngọc Thao, trong mắt tôi ngài có quá nhiều nhân đức và công trạng mà tôi khó có thể kể hết.

Tôi kể một số điều liên quan đến ngài, với tư cách là chứng nhân. Vì 6 năm ngài làm Bề trên Giám tỉnh của tôi, gần 7 năm làm Giám đốc Học viện và giáo sư của tôi, 3 năm làm Bề trên Cộng đoàn của tôi và 6 năm phòng tôi và phòng ngài ở cạnh nhau vì thế ngài và tôi thường trò chuyện và chia sẻ với nhau.

Ngài kể ngài sinh ra ở Bến Thôn, Thạch Thất, Sơn Tây, nhưng ông cố của ngài là thầy giáo và từ lúc ngài còn rất nhỏ cả nhà đã chuyển xuống sống ở ngõ nhà giáo, phố Nam Đồng, gần nhà thờ Thái Hà, tức ngõ 85 Nguyễn Lương Bằng nay, vì vậy ngài nói giọng Hà Nội chứ không nói giọng lúi lo khó nghe của người Bến Thôn.

Ngài sinh hoạt Hùng Tâm Dũng Chí ở Nhà thờ Thái Hà và gia nhập Đệ Tử viện DCCT ở đây.

NGÀI LÀ MỘT NGƯỜI LỊCH SỰ, NHẢ NHẪN VÀ CHUẨN MỰC TRONG LỐI SỐNG NÓI CHUNG, ĐẶC BIỆT TRONG ĂN MẶC, TRONG ĂN NÓI, TRONG GIAO TIẾP VÀ ỨNG XỬ.

Không bao giờ thấy ngài mặc quần short hay maillot, lúc nào cũng áo sơ mi bỏ trong quần, đi giày tây hoặc sandales, đầu tóc chải chuốt đầu vào đó.

Anh em trong Dòng nói vui đó ai biết đui cha Thao thế nào! Vì ngay khi ra khỏi phòng tắm về phòng riêng thì đã thấy ngài ăn mặc chỉnh tề rồi.

Ngài ăn nói từ tốn. Chăm chú lắng nghe và tôn trọng người đối thoại. Dù không bằng lòng điều gì thì ngài cũng không bao giờ lớn tiếng.

Ngài gọi chúng tôi, bằng tên riêng hoặc bằng anh và xưng là mình hoặc tôi. Nhưng khi chúng tôi đã làm linh mục, thì ngài gọi là cha dù chúng tôi chỉ là học trò và bề dưới của ngài, chỉ đáng tuổi con cháu ngài.

Khi phải nhắc bảo ai cái gì thì ngài dẫn đo, cẩn trọng và nhắc nhở cách tế nhị vô cùng. Ngài duy trì một thời gian biểu rất khoa học. Giờ nào ngày nào với ai ở đâu việc gì đều rất rõ ràng và chính xác. Chính xác đến từng phút từng giây một.

Thí dụ, 6:30 sáng ngài đi dạy học, nhưng nếu dất xe máy ra sân mà còn thiếu một hai phút thì ngài cứ ngồi đợi; ngài canh khi nào kim đồng hồ chỉ đúng 6:30 thì ngài mới khởi hành.

Tôi chưa thấy ai ứng xử theo sát các phép nhân bản Tây và Ta chu đáo và toàn diện hơn ngài.

NGÀI LÀ NGƯỜI HIỀN LÀNH, BIẾT THÔNG CẢM VÀ LUÔN TÌM CÁCH GIÚP ĐỠ NGƯỜI KHÁC.

Dung nhan ngài, nhất là ánh mắt và cái miệng lúc nào cũng như đang mỉm cười với người khác. Chưa cần phải sống với ngài, chỉ cần nói chuyện với ngài ta thể cảm nhận được sự nhân từ và độ lượng của ngài.

Cha Trần Thế Phiệt, năm nay 74 tuổi, thuộc lớp học trò và bề dưới đầu tiên của ngài, có dịp nói với anh em trong Dòng rằng các anh em sinh viên thế hệ ngài gọi Cha Giuse Trần Ngọc Thao là “Trần Được Anh”, vì đến trình bày và xin phép ngài điều gì ngài cũng nói “Được anh!”

Đến năm 1999, khi Tuân em tôi mới xong Trung học và vào Sài Gòn, tôi xin phép ngài ngày Chúa nhật dẫn em đi công viên Đầm Sen chơi và trưa không ăn cơm ở nhà. Ngài bảo tôi làm bề trên bao nhiêu năm giờ mới lần đầu thấy có người xin phép đi công viên. Ngài phì cười và rồi cũng nói “Được Khải” và cho tôi 10 nghìn như tôi xin.

Những năm 90 chúng tôi ở Học viện, một số anh em vẫn còn hút thuốc. Có cha thấy anh em hút thuốc thì làm um lên. Mấy hôm sau, đến giờ gặp chúng tôi, ngài nói: “Tôi thông cảm với anh em! Nếu anh em chưa bỏ ngay được và nếu thèm thuốc quá, có hút thì cũng hút cách nào đó để tránh gây cơ vấp phạm cho người khác!”

Ngài khuyên anh em bỏ thuốc lá, nhưng ngài không lấy việc này để làm áp lực trên đời tu của chúng tôi.

Ngài không ác cảm người có ý kiến khác mình. Tôi là bề dưới của ngài, nhiều lần tôi có ý kiến khác ngài, thế nhưng ngài vẫn yêu thương và tôn trọng tôi, hơn nữa còn khích lệ tôi bằng lời nói và việc làm. Ngài luôn cố gắng giúp đỡ chúng tôi hết sức trong mức độ có thể được, mong muốn cho chúng tôi trở nên hoàn thiện hơn trong mọi việc.

Bao nhiêu bài viết, bài dịch của tôi lúc còn trong Học viện cũng như khi đã làm linh mục và sống bên cạnh ngài đã được sửa chữa và góp ý. Dù chỉ là một mảnh giấy nhắn tin, nếu tôi viết sai chính tả hay ngữ pháp thì ngài cũng sửa bằng bút đỏ và gửi lại cho tôi.

Ngài quảng đại và thông cảm trong lối sống bao nhiêu thì khắt khe và đòi hỏi trong công việc chuyên môn bấy nhiêu. Tôi biết mình viết chẳng dễ dàng gì, nếu bây giờ tôi viết sót sai, thì có hai người đã sửa tôi nhiều nhất là ngài và trước đó là cha Vũ Ngọc Bích ở Hà Nội.

Tôi đặc biệt cảm nhận được tình yêu thương và sự giúp đỡ của ngài trong cái chết của cậu tôi năm 1998 ở Biên Hòa. Ngài đã cùng các cha trong Dòng sắp xếp để tôi đưa cậu từ Biên Hòa về làm đám tang tại Học viện và chính ngài cử hành lễ an táng cho cậu tôi tại nhà thờ Kỳ Đồng.

NGÀI LÀ NGƯỜI CỠI MỞ, KHIÊM TỐN VÀ BIẾT LẮNG NGHE Ý KIẾN CỦA NGƯỜI KHÁC.

Ngài dạy chúng tôi, nhưng đọc bài của chúng tôi thấy có gì không hiểu thì ngài ân cần trao đổi chứ không khẳng định ý của mình là tuyệt đối duy nhất đúng. Nếu thấy anh em có lý ngài tiếp thu.

Dù có bằng Tiến sĩ Thần học Kinh Thánh, biết 6 thứ tiếng, nói được tiếng Pháp, tiếng Anh và tiếng Ý và tiếng Latin, nhưng không bao giờ trong câu chuyện ngài tỏ ra hiểu biết hơn người khác về bất cứ lãnh vực gì. Ngài không tranh giành hơn thua với ai. Chỉ chăm chú hoàn thành bổn phận và đào sâu lãnh vực chuyên môn của mình.

Tôi nhớ khi lần đầu in Sách Các Giờ Kinh Phụng Vụ ngài có tặng chúng tôi mỗi người một bản. Cha Hiện lúc đấy còn đang làm thầy nói với chúng tôi câu 1Pr 1,8 các tác giả dịch và diễn đạt chưa đúng mấy vì thế đọc nghe trúc trắc khó hiểu.

Cha Hiện đã đi góp ý với ngài. Sau đó cha Hiện nói với chúng tôi rằng ngài lấy làm vui mừng và cảm ơn cha Hiện nhiều lắm và trong những bản in tiếp theo, câu đó đã được sửa cho sáng sủa và rõ nghĩa như hiện nay.

Tôi nhớ hồi năm 1998, có anh em trong Học viện chia sẻ với tôi anh bị đau dạ dày thường xuyên. Sau khi nghe câu chuyện của anh tôi biết nguyên do là anh và người anh em cùng phòng sống không hợp nhau. Hồi đấy tu viện thiếu chỗ, mỗi phòng ngăn thành 2 ô và mỗi ô 2 anh em.

Thấy vậy tôi đã đến gặp ngài và đề nghị chuyển phòng tất cả các anh em cho khỏi ai bị tổn thương, vì cho đến lúc đấy, tôi thấy anh em Học viện chưa bao giờ chuyển phòng. Tôi nghĩ các anh em sống chung với nhau 6-7 năm trong một ô hay một phòng thì hợp nhau hay không hợp nhau đều không tốt. Ngay hôm sau ngài đã cho anh em bắt thăm để nhận phòng mới người mới.

Hồi năm 2000, trong tư cách là Trưởng Ban Đào tạo, ngài phải ra đề thi Việt văn cho anh em vào Tiền tập. Không biết trình độ Việt văn của các bạn trẻ ngày nay thế nào và các bạn được dạy những gì ở Trung học và Đại học, ngài đã hỏi chuyện tôi và cuối cùng xin tôi giúp ngài chọn mấy đề tài cùng đưa ra yêu cầu của mỗi đề tài để ngài cho anh em thi và làm căn cứ chấm bài cho phù hợp.

Tôi cảm phục thái độ khiêm tốn của ngài. Vì lợi ích của các anh em trẻ mới vào tu, ngài cất công tìm hiểu và hạ mình vậy! Không làm liều! Tất cả cũng vì yêu thương và tôn trọng những người trẻ đang bắt đầu bước vào đời tu trong Dòng.

NGÀI LÀ NGƯỜI SỐNG NGHÈO KHÓ, GIẢN DỊ VÀ LÀNH MẠNH

Ngài ở trong cái phòng bé tí của ngôi nhà ván gỗ và mái tôn thấp lẹ thệ của Tu viện Mai Thôn. Chỉ đủ kê cái giường nhỏ, cái bàn nhỏ và cái tủ nhỏ. Gia sản đáng giá nhất của ngài là cái xe máy CD 90 và cái Radio.

Khi ở Kỳ Đồng, phòng ngài cạnh phòng tôi, tôi thấy lúc này ngài có thêm cái máy tính để bàn. Đồ đạc trong phòng ngài vào đầu những năm 2000 còn đơn giản hơn nhiều phòng của các anh em sinh viên Học viện.

Ngài rất chăm chút quần áo mặc, nhưng phòng ở thì rất bụi bặm. Tôi thấy mỗi năm ngài chỉ quét vài lần. Trong khi quần áo thì ngài tự giặt lấy và tự ủi lấy. Ngài không quan tâm đến tiện nghi, đến hưởng thụ. Không đam mê ăn uống, không đam mê âm nhạc, không đam mê thể thao.

Chỉ đọc báo và coi tivi nhưng coi gọi là. Ngài thường coi ti vi vào giờ khuya, khi các anh em khác đã đi ngủ. Ngài bật tivi lên và ngồi đối diện trong khi đọc sách vở hay viết gì đó. Có khi ngài ngủ lúc nào ngay tại ghế ngồi. Có khi có anh em đi qua tắt ti vi và tắt điện trên ngài.

Ngài rất chăm chút sức khỏe. Tuy không tập thể dục thể thao hay làm việc tay chân nhưng ngài cũng đi bộ lặn lội ở hành lang. Cứ sáu tháng ngài đi khám tổng quát một lần xem sức khỏe thế nào, đường, mỡ men gan ra sao rồi về điều chỉnh bằng chế độ ăn uống.

Ngài đặc biệt cẩn thận trong việc ăn uống. Ăn vừa đủ. Uống vừa đủ. Rất điều độ! Không ai có thể mời ngài hay ép ngài ăn uống cái gì mà ngài xét là không tốt cho sức khỏe. Về điểm này ngài sánh được với thầy Placido ở Roma.

Chính vì vậy trong khi các cha khác cùng thế hệ bị đủ các chứng bệnh tiểu đường, huyết áp, tim mạch, bao tử... thì ngài vẫn khỏe mạnh và chẳng bị bất cứ bệnh gì. Đây là điều tôi thấy ở ngài cho đến khi tôi rời Sài Gòn năm 2006.

NGÀI LÀ MỘT NHÀ ĐÀO TẠO MẪU MỰC

Ngài giảng dạy không hấp dẫn, đọc đáo, nhưng tận tụy, rõ ràng, chính xác, dễ hiểu. Ngài cho thi cử nhẹ nhàng, nhưng nghiêm túc. Bài thi thường yêu cầu không quá 2 trang A5 hoặc 1 trang A4. Ai viết thêm cất bỏ hoặc gạch bỏ phần dư và chỉ chấm nội dung trong phần giấy ngài đã quy định.

Không cha thầy nào trong DCCT tận tâm tận lực lo việc đào tạo anh em tu sĩ trẻ bằng ngài. Mấy chục năm ngài làm Giám đốc và làm Giáo sư Học viện DCCT. Phần lớn các linh mục DCCT tuổi từ cỡ trên dưới 75 trở xuống đều là những người được ngài hướng dẫn hoặc dạy dỗ ít nhiều.

Trong việc đào tạo, tôi thấy không khi nào ngài tỏ ra có tình cảm với một số anh em này hơn những anh em khác. Không khi nào ngài có ý theo dõi hay dò xét anh em nào. Không khi nào ngài có ác cảm với anh em nào. Ngài giao tiếp và ứng xử quân bình và công bằng với mọi kẻ thuộc quyền.

Ngài sống nghiêm khắc với chính mình nhưng nhân từ với các anh em. Nghiêm khắc và đòi hỏi trong lối sống và trong việc viết lách của các anh em, nhưng rất nhân từ và độ lượng trong việc đánh giá và quyết định cho các anh em khẩn dòng hay tiến chức. Trừ việc gian lận thi cử!

Ngài nói các anh em khi đi học ở trong Dòng hay ngoài Dòng, cần trung thực. Không làm bài được thì thôi, đừng gian lận thi cử. Nếu không làm bài được ngài vẫn có cách "cứu" được anh em. Nhưng nếu ai cố tình gian lận thi cử ngài sẽ đề nghị loại ra khỏi Dòng.

Ngài không có những kế hoạch, những dự án tri thức và tâm linh này nọ, không can thiệp nhiều vào đời sống của các anh em. Không bám sát anh em khiến anh em ngạt thở hay sống mất tự nhiên. Anh nào cần đến trình bày ngài nghe và giúp đỡ. Còn gặp gỡ chính thức thì rất hiếm và rất ngắn.

Cả đời Học viện của tôi gần 7 năm, gặp gỡ chính thức chỉ 3 lần, mỗi lần không quá 5 phút. Lần khẩn lại. Lần khẩn trọn. Lần chịu chức phó tế. Lần nào ngài cũng hỏi mấy câu này: Khái sống trong Học viện có cảm thấy thoải mái không? Khái có cần giúp đỡ gì không? Khái có kinh nghiệm gì cụ thể về Chúa Thánh Thần không? Chỉ có vậy!

Tôi có cảm giác cái triết lý giáo dục của ngài chỉ cốt ở hai điểm này. Một là để cho Thánh Thần hướng dẫn và thánh hóa anh em. Hai là dùng tình thương và gương mẫu để các học trò tin tưởng, yêu mến và tự giác sống theo.

Lão Tử nói bậc thánh nhân không làm gì mà việc gì cũng thành. Cái lối đào tạo của ngài có lẽ là như là vậy. Ngài không can thiệp nhiều, không cây sức cây tài để ép bẻ dưới theo ý mình, nhưng kết quả là các anh em sống bình an, hiệp nhất, có ý thức dần thân học tập và phục vụ rất cao.

NGÀI LÀ MỘT TRONG NHỮNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRÍ THỨC CÁCH MẪU MỤC VÀ CHUYÊN CẦN.

Ngài hy sinh phục vụ lời Chúa và là một trong những thành viên chủ chốt của Nhóm Các Giờ Kinh Phụng Vụ.

Ngài học Thần học Kinh Thánh và trong cuộc đời, ngoài việc bổn phận trong tư cách là Bề trên và Giám đốc, thì thời gian và tâm sức còn lại ngài đặt vào việc nghiên cứu, dịch thuật và giảng dạy Kinh Thánh.

Tôi đã từng nói rằng Nhóm Phiên Dịch Các Giờ Kinh Phụng Vụ, một nhóm các nhà trí thức Công giáo tồn tại lâu nhất, làm việc khoa học nhất, tạo ra những sản phẩm trí thức có phẩm chất tốt nhất trong lãnh vực Kinh Thánh và Phụng Vụ, có ảnh hưởng sâu rộng nhất trong Giáo Hội Việt Nam.

Nhóm ra đời năm 1971 thì năm 1972 Cha Giuse Trần Ngọc Thao gia nhập. Tôi thấy ngoài DCCT thì Nhóm CGKPV là gia đình thứ hai của ngài. Ngài là một trong những thành viên kỳ cựu nhất của Nhóm trong suốt gần 50 năm và trong nhiều thập niên, ngài còn được tín nhiệm bầu làm Trưởng Nhóm.

Nhóm đã in và phổ biến hơn 2 triệu bản Tân ước, hàng trăm nghìn bản Kinh Thánh trọn bộ, hàng chục nghìn bản Sách Các Giờ Kinh Phụng Vụ, hàng nghìn bản Sách Lễ Roma, các nghi thức Phụng Vụ, các sách chú giải Kinh Thánh... Đây là chưa kể bản văn Kinh Thánh kèm theo chú giải được hàng trăm nghìn người sử dụng online.

Ngày nay, những ai có đọc Kinh Thánh và đọc Kinh Phụng Vụ và tham dự Thánh Lễ bằng tiếng Việt, những ai học Kinh Thánh, đều đang ít nhiều hưởng nhờ thành quả lao động trí thức của Nhóm CGKPV mà trong đó có phần đóng góp quan trọng của Cha Giuse Trần Ngọc Thao.

Cha Nguyễn Ngọc Tĩnh thường nói "Nhóm chúng tôi là một đội ban" và tôi tin cũng như các thành viên khác, Cha Giuse Trần Ngọc Thao là một cầu thủ kỳ cựu và quan trọng. Ngài là Đội trưởng của đội ban kia trong nhiều thập niên.

NGÀI LÀ VỊ BỀ TRÊN GIÁM TỈNH KHÔN NGOAN ĐÃ LÃNH ĐẠO TỈNH DÒNG TRONG GIAI ĐOẠN KHÓ KHĂN NHẤT

Ngài là một trong những Bề trên Giám tỉnh lâu nhất trong DCCT Việt Nam.

Ngài làm 4 khóa liên tiếp, từ năm 1981-1993. Đây là một trong những giai đoạn khó khăn nhất của Nhà Dòng và Giáo Hội Việt Nam. Vì những năm cuối thập niên 1970 Miền Nam còn thừa hưởng được một chút tự do rơi rớt lại từ thời VNCH mà nhà cầm quyền cộng sản chưa kịp tước đoạt.

Các tu viện của Dòng bị nhà cầm quyền cướp đoạt nhà cửa, trường học, thư viện, đất đai, nhà máy, cơ sở chăn nuôi... Cướp một phần hay toàn bộ. Nhiều anh em bị bắt đi tù. Rất nhiều anh em bị mất chỗ ở khi tu viện bị giải tán và phải về sống với gia đình và phải tự lao động kiếm sống.

Bản thân ngài, dù là Bề trên Giám tỉnh cũng không được sống trong Tu viện Kỳ Đồng mà vẫn phải ở trong căn nhà lụp xụp bên Tu viện Mai Thôn. Mãi đến năm 1993 khi hết làm Giám Tỉnh và nhà nước bớt căng thẳng chuyện hộ khẩu, ngài mới được chuyển về tu viện Kỳ Đồng.

Nhà cầm quyền bấy giờ còn cấm các anh em ở các tỉnh về Sài Gòn tĩnh tâm chung hằng năm. Tệ nhất là cấm thuyền chuyển, cấm bỏ nhiệm, cấm nhận người đào tạo, cấm khấn dòng, cấm chịu chức linh mục, cấm dạy thần học...

Thiếu thốn, khó khăn, nguy hiểm mọi đàng. Dẫn dắt một Tỉnh Dòng mà thời điểm bấy giờ là dòng tu duy nhất hiện diện cả ba miền Bắc-Trung-Nam và duy trì được tinh thần tu trì của các anh em trong giai đoạn khắc nghiệt ấy quả thật không đơn giản. Thế mà ngài đã làm được!

Ngài đã giúp được các anh em gắn bó hiệp nhất với nhau để cùng nhau phục vụ Chúa nơi người nghèo. DCCT ở Việt Nam hiếm có giai đoạn nào anh em đoàn kết và hiệp nhất như thời kỳ 12 năm ngài làm Bề trên Giám Tỉnh.

Ngài đã thành công trong việc tìm kiếm một mô hình thích hợp để cổ vũ và nâng đỡ việc tu, việc học và việc phục vụ của từng anh em trẻ đang thuộc diện đào tạo mà không được sống trong tu viện.

Ngài đã đưa ra các quyết định bí mật nhận ơn gọi, bí mật mở Tập viện, bí mật khấn Dòng, bí mật cho các anh em học triết học và thần học với các giáo sư riêng lẻ, bí mật cho anh em truyền chức linh mục, bắt cấm lệnh cấm cản và trừng phạt của nhà cầm quyền.

Năm 1990 ngài còn quyết định mở Học viện tập trung tại Tu viện Kỳ Đồng khi ngài vừa là Bề trên Giám tỉnh, vừa là giám đốc Học viện trong khi cha Vũ Khởi Phụng làm Giám học.

Vì chỉ có như vậy các anh em trẻ mới có thể có cơ may được đào tạo bài bản và mau chóng. Từ đó ban ngày anh em đến Tu viện học tập. Tối ra ngoài nhà giáo dân ngủ để tránh sự khám xét, bắt bớ của nhà cầm quyền.

Cũng từ năm 1990, ngài đã quyết định cho các anh em đã học xong thần học được chịu chức linh mục bí mật nếu muốn. Trong số đó Cha Giuse Nguyễn Ngọc Bích và Vinhson Phạm Trung Thành là những người đầu tiên và cả hai về sau đều đã được bầu làm Bề trên Giám tỉnh như ngài.

Tôi tin rằng nếu không có đường hướng và quyết định can đảm và khôn ngoan của ngài thì DCCT đã không có nhiều ơn gọi và nhiều thừa sai như hôm nay, bản thân tôi chưa chắc đã không được nhận vào dự tu năm 1987 ở Hà Nội và năm 1989 ở Tu viện Kỳ Đồng.

Tôi tin ngài là một trong những vị Bề trên Giám tỉnh tuyệt vời nhất của chúng tôi. Ngài là một trong vài người đã góp sức nhất và to lớn nhất trong việc làm nên một DCCT Việt Nam như chúng ta thấy hôm nay.

Còn nhiều chuyện để nói về ngài nhưng tôi tạm dừng ở đây.

Trong mắt tôi ngài là một con người nhân bản, một tu sĩ mẫu mực, một thừa sai nhiệt thành, một trí thức cần mẫn, một bề trên đầy lòng bao dung.

Ngài đã theo sát Chúa Kitô và là một hình ảnh sống động của Chúa Kitô. Ngài đã đóng góp hết mình trong việc xây dựng Giáo Hội và loan báo Tin mừng cho người nghèo, lúc thuận lợi cũng như lúc khó khăn.

Hồi nhỏ khi còn sống ở gia đình, tôi thường nghe bố mẹ hỏi các cặp vợ chồng trẻ có “tin mừng” chưa, nghĩa là đã có thai chưa. Khi ai sinh nở mẹ tròn con vuông thì bố mẹ tôi cũng nói nhà đấy có “tin mừng” rồi.

Dần dần tôi hiểu bên cạnh Tin mừng tuyệt đối là Chúa Kitô, là lời rao giảng của Ngài, thì “tin mừng” còn là sự ra đời của một con người. Tuy nhiên, mỗi người có thật sự là “tin mừng” cho thế giới hay không, chỉ khi sống và nhất là khi hoàn tất cuộc đời mới biết được.

Chiêm ngưỡng cuộc đời của Cha Giuse Trần Ngọc Thao, tôi thấy ngài thực sự là tin mừng cho tôi, cho các anh em trong DCCT Việt Nam chúng tôi và trong chừng mực nào đó nhiều người Việt Nam.

Tôi tin ngài là quà tặng, là ân huệ Chúa ban cho tôi, cho DCCT và cho Giáo hội Việt Nam.

Xin tạm biệt ngài. Xin Chúa cho ngài được nghỉ yên trong Chúa và mong ngày tôi được gặp lại ngài trong Nước Trời.

Roma 05.06.2021

Linh mục Phêrô Nguyễn Văn Khải DCCT.

PS. 1-Liên quan đến cấp Giáo Hội Việt Nam, vào khoảng những năm 1994 ngài được Đức Hồng Y Phạm Đình Tụng giới thiệu với Tòa Thánh làm ứng viên Giám mục của Giáo phận Sơn Tây. Tiếc rằng danh sách đợt ấy bị lộ ra ngoài và rơi vào tay nhà nước Việt Nam nên Tòa Thánh không còn xét đến các ứng viên có tên trong danh sách ấy.

2. Ngài có lập trường đứng về công lý và sự thật. Ngài không trực tiếp dẫn thân, nhưng đã tích cực hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh của anh em ở Thái Hà, Hà Nội. Ngài ra tận Thái Hà để thăm anh em. Khi làm lễ ở nhà thờ ngài đã có những lời mạnh mẽ cổ vũ giáo dân và lên án nhà cầm quyền, làm nức lòng giáo dân.



PHỤ TỈNH DÒNG CHÚA CỨU THỂ HẢI NGOẠI
TU VIỆN ĐỨC MẸ HẰNG CỨU GIÚP
2458 Atlantic Ave., Long Beach, CA 90806
Ph. (562) 209-2761



CÁO PHÓ

Trong niềm tin vào Chúa Kitô Phục Sinh, Phụ Tỉnh Dòng Chúa Cứu Thể Hải Ngoại & Tu Viện Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp, Long Beach, California, xin trân trọng báo tin cùng Quý Cha, Quý Tu Sĩ Nam Nữ, Quý Ân Nhân và Thân Hữu xa gần:

CHA PHÊRÔ ĐÌNH NGỌC QUẾ, DCCT

Sinh ngày 20 tháng 8 năm 1926, thụ phong Linh Mục ngày 8 tháng 9 năm 1956, được Chúa gọi về lúc 2:45 AM ngày 2 tháng 7 năm 2021 tại Long Beach, California – Hoa Kỳ, hưởng thọ 95 tuổi.

Đóng Góp Tài Chánh từ Gia Đình An Phong Sydney:

Thư liên lạc của Chi Hội Trưởng và Chi Hội Phó Sydney:

“Kính gửi cha Giuse Mai văn Thịnh, quý Cô Bác và anh chị em

“Tính đến ngày 06/06/2021, tuy ngày lễ mừng cha thánh Anphongsô chưa đến, nhưng chúng tôi đã nhận được những món quà vô cùng ý nghĩa

*mà quý Cô Bác và anh chị đã gửi trước
để yểm trợ cho công việc truyền giáo
của Dòng Chúa Cứu Thế Việt Nam*

1/ Tiền yểm trợ DCCT/VN do anh Chương đang giữ:

Chị Dung Lakemba	\$200
Cô Đàm Thị Uyên em, chị Mai	\$50
A/c Trịnh thị Hoà + Tiên	\$300
A/c Ưông Thế Công	\$200 -----\$750

2/ Tiền yểm trợ DCCT/VN do anh Vũ Nhuận đang giữ :

Cô Thu Hằng	\$200
Anh Nguyễn Hùng em chị Nông.	\$100
Anh Nguyễn Dũng em chị Nông	\$50-----\$350

3/ Cộng hai số tiền trên là: $\$750 + \$350 : \$1100$

4/ Số tiền này sẽ được nhập chung với số tiền sẽ thu được trong ngày mừng
lễ cha thánh Anphongsô tới đây và gửi về DCCT/VN

Một lần nữa, chúng tôi xin chân thành gửi đến quý anh chị đã gửi tiền giúp Dòng Thánh.

Trân trọng

Nguyễn đắc Dzũng Chi Hội Trưởng

Phạm văn Chương Chi Hội Phó

Hoan nghênh sự chu đáo của cặp đôi Dũng & Chương.

Đặc biệt kế toán gia Phạm Văn Chương.

Xem ra về chuyện tiền bạc ... không ai có thể qua mặt được Thánh Matthêu.

Xin một tràng pháo tay cho 2 anh.

Vũ Nhuận